TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Tình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vàng Mí Chỏ.

Bà Lương Thị Nhiễu.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 60/2026/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2026,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ly Thị D, sinh năm 1999; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Làm nương; căn cước công dân số: 002199***75 do Cục C1 - BCA cấp ngày 25/6/2021; địa chỉ: Thôn X (nay là thôn S), xã P, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Sùng Mí T, sinh năm 1994; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Lao động tự do; căn cước công dân số: 00209***06 do Cục C1 - BCA cấp ngày 24/11/2023; địa chỉ: Thôn X (nay là thôn S), xã P, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ly Thị D và anh Sùng Mí T nhất trí thuận tình ly hôn. (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 06/01/2017 của UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang.

- Về con chung: Chị Ly Thị D và anh Sùng Mí T xác nhận có 02 con chung là cháu Sùng Mí N, sinh ngày 20/10/2016 và cháu Sùng Thị C, sinh ngày 17/8/2018. Chị D, anh T thoả thuận giao anh Sùng Mí T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu Sùng Mí N và Sùng Thị C cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Thị D và anh Sùng Mí T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Thị D và anh Sùng Mí T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự/.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV8 - Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Văn Tình